

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-PT
Ngày : 31/7/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Phạm Thị Kim Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lăng Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương T - Phòng Giao dịch Ngân hàng H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lăng Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn S vào cuối năm 2007; ngày 30/01/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 3/2016, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã xảy ra xô sát đánh nhau. Chị Lăng Thị T đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã T, huyện H; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Trong đơn xin ly hôn ngày 28/11/2016, chị Lăng Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn S với lý do: Anh S đi ngoại tình, khi bị chị phát hiện anh S đã đánh đập và đe dọa giết chị. Ngày 28/8/2016 và ngày 03/10/2016, anh S đã kiếm cớ đánh đập chị. Chị đã về bên ngoại ở, sống ly thân với anh S từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S xác nhận mối quan hệ vợ chồng như chị T trình bày. Thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2014 nhưng cho rằng nguyên nhân do chị T đi làm xa nhà nên đã có quan hệ bất chính với người khác. Năm 2015, anh có mua điện thoại cho chị T nhưng anh thấy có người lạ gọi đến nhiều lần, anh nghe máy thì bên kia tắt máy nên anh tức đã đập điện thoại và đánh chị T. Mâu thuẫn trầm trọng hơn khi chị T lại nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T không quan tâm đến anh, đi chơi đến khuya muộn mới về; sau đó chị T bỏ về nhà ngoại cho đến nay. Anh đã đến nhà bố mẹ vợ để đón chị nhưng bố mẹ vợ hắt hủi, không cho anh đón chị T về. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị Lăng Thị T và anh Nguyễn Văn S có một con chung là cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 02/9/2007. Hiện nay cháu đang sống cùng với anh S. Cả chị T và anh S đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị A và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung:

Tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng anh chị đã tạo lập được một khối tài sản chung, như: Hai xe máy (01 chiếc Yamaha; 01 xe Suzuki); 01 xe tải Ben nhãn hiệu Hoa Mai 3,5 tấn; 01 tivi 40inch.

Còn phía anh S cho rằng trong số tài sản chị T trình bày có chiếc xe tải Ben là của bố anh, không phải của vợ chồng. Anh yêu cầu sở hữu toàn bộ tài sản, không đồng ý chia cho chị T. Tại phiên tòa anh khai anh đã đốt hết số tài sản trên.

Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng còn nợ một số khoản tiền sau: Nợ chị Chu Thị H 19.000.000đồng; nợ chị Mông Thị V 20.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị V 20.000.000đồng; chị Nguyễn Thị T 30.000.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị H 30.000.000đồng; nợ bà Trần Thị M 42.100.000đồng; nợ chị Nguyễn Thị K 1.480.000đồng; nợ Chi nhánh Ngân hàng C 12.000.000đồng.

Chị Lăng Thị T đề nghị chia đôi tài sản và khoản nợ chung.

Về các khoản nợ mà chị T đưa ra, anh S không thừa nhận khoản tiền nợ chị Nguyễn Thị M; anh S có trình bày bổ sung thêm khoản nợ anh Nguyễn Văn V với số tiền là 32.000.000đồng (khoản nợ này chị T không thừa nhận). Anh S yêu cầu chị T trả 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) tiền nợ; số nợ còn lại anh sẽ trả.

Ngày 13/3/2017, chị T có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Anh S đồng ý với việc chị T rút yêu cầu chia tài sản chung. Còn về nợ chung, nếu người cho vay có yêu cầu đòi nợ thì anh và chị T phải có trách nhiệm cùng nhau trả nợ và sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Các chị Chu Thị H, Mông Thị V, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, bà Trần Thị M đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần nợ trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 27, 51, 56, 57, 58, 60, 81, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2007 cho chị Lăng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (18 tuổi). Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lăng Thị T có trách nhiệm trả nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng H theo sổ vay vốn mã KH: 7069074630.

5. Về án phí: Chị Lăng Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng. Hoàn trả cho chị Lăng Thị T số tiền 4.525.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ngày 19/5/2017, anh Nguyễn Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý ly hôn với chị Lăng Thị T; nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị A và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; anh đề nghị giải quyết dứt điểm số nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Lăng Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: Chị mong muốn được nuôi cháu Nguyễn Thị A nhưng nếu nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh S thì chị đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Thị A cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Còn các nội dung kháng cáo khác của anh S, đề nghị không chấp nhận. Việc sửa án sơ thẩm là do có tình tiết mới.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn S thấy rằng:

[2] Về quan hệ tình cảm, cả chị T và anh S đều thừa nhận giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014 và đã có lần anh S đánh chị T. Chính vì vậy chị T đã về sinh sống với bố mẹ đẻ từ tháng 10/2016, vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định anh S đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị T, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ làm chồng, làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, chị T đã bỏ về bên ngoại sinh sống đã gần một năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

[3] Anh S trình bày anh cũng đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như: Nhiều lần đến bên ngoại đón chị T; nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho chị T nhưng đều không có kết quả. Như vậy, càng thấy rõ tình cảm giữa chị T với anh S không còn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn với anh S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Văn S.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị A sinh 02/9/2007, đến nay cháu đã được 10 tuổi, hiện nay cháu đang ở cùng với anh S. Xét về điều kiện, cả anh S và chị T đều có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tại cấp sơ thẩm, cháu Nguyễn Thị A có nguyện vọng được sống chung với mẹ, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, cháu Nguyễn Thị A thay đổi ý kiến muốn được sống cùng với bố. Xét thấy, nguyện vọng của cháu là tự nguyện không bị ai ép buộc nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của cháu. Mặt khác, chị Lăng Thị T cũng đề nghị Tòa

án xem xét, quyết định theo nguyện vọng của cháu. Vì vậy chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S, sửa bản án sơ thẩm giao cháu Nguyễn Thị A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc sửa bản án là do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

[6] Về tài sản chung: Anh S, chị T tạo lập được một số tài sản chung. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm chị T đã rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và anh S đã đồng ý vì vậy cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng, có căn cứ.

[7] Về nợ chung: Các khoản nợ chung về cơ bản cả hai anh chị đều thừa nhận. Tuy nhiên do không yêu cầu giải quyết về tài sản nên chị T đã rút yêu cầu giải quyết về nợ chung.

[8] Những người có quyền lợi liên quan như: Chị Nguyễn Thị H, chị Mông Thị V, chị Nguyễn Thị M đều nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ giữa họ với vợ chồng chị T mà đề nghị tự thỏa thuận với nhau; còn bà Trần Thị M, chị Nguyễn Thị V, chị Nguyễn Thị T có ý kiến sẽ yêu cầu giải quyết số tiền nợ của họ bằng một vụ án dân sự khác.

[9] Như vậy, tài sản chung của vợ chồng chưa giải quyết, về số nợ tại cấp sơ thẩm có người không yêu cầu Tòa án giải quyết, có người đề nghị sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Tại phiên tòa sơ thẩm anh S cũng có ý kiến khi có yêu cầu thì đề nghị giải quyết số nợ chung. Bản án sơ thẩm chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung là có cơ sở

[10] Tài sản và nợ chung của vợ chồng anh S chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Vì vậy, kháng cáo của anh S yêu cầu giải quyết cả tài sản và nợ chung tại cấp phúc thẩm là không thể chấp nhận được. Nếu sau này không thỏa thuận được về tài sản chung, nợ chung thì anh S, chị T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Riêng đối với khoản tiền nợ Phòng giao dịch Ngân hàng H, chị T tự nguyện trả theo yêu cầu của Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của chị T là có cơ sở. Tuy vậy cũng cần chỉnh sửa lại câu chữ cho chính xác.

[11] Từ những phân tích trên, quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm, giữ nguyên quyết định cho ly hôn; giao cháu Nguyễn Thị A cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận định này cũng phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[12] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm về án phí ly hôn sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2017/HNGĐ-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 02/9/2007 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Lăng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về khoản nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng H:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lăng Thị T. Chị Lăng Thị T có trách nhiệm tiếp tục trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng H theo sổ vay vốn mã KH: 7069074630.

5. Về án phí:

a. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lăng Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) chị Lăng Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/01833 ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng.

Hoàn trả cho chị Lăng Thị T số tiền 4.525.000đ (bốn triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/01834 ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng.

b. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn S số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu số: AA/2012/04461 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H.Văn Quan, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS H.Văn Quan, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân